

Bản án số: 343/2020/HS-PT
Ngày 22 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí T

Ông Nguyễn Văn Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 428/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng và các bị cáo khác; do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2019/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo:

1. **Vũ Thụy Hồng Ng**; sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Hoa Kỳ và Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; HKTT: đường Đ, phường Đ1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Lô B Chung cư 328 V, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Vũ Phi H và bà: Vũ Thị Nguyệt A; có chồng ông Chiêm Quốc Th1 – đang làm thủ tục ly hôn và 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam: 26/5/2018, được chuyển sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/11/2019; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng: Luật sư Nguyễn Hoàng Tr – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. **Phan Nguyễn Duy Th**; sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; HKTT: đường B, Phường

13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường 4A, Khu dân cư V, phường B1, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ; trình độ văn hóa: 01/12; con ông: Phan Văn O và bà Nguyễn Thị Nh; có vợ và 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 27/10/1998, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản công dân” theo Bản án số 2203/HSST.

+ Ngày 23/4/1999, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Cướp giết tài sản” theo Bản án số 745/HSST.

+ Ngày 17/01/2006, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 05/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2018; được chuyển sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/8/2019; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Phan Nguyễn Duy Th: Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Thi – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. **Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm 1978 tại Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; HKTT: Ấp Th, xã Th1, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: đường Ph, phường B4, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 09/12; cha mẹ ruột: không rõ; cha nuôi: Nguyễn Ng A và mẹ nuôi: Trương Thị Ng; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam: 12/4/2018, được chuyển sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/8/2019; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

4. **Phạm Văn N**, sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; HKTT: đường T, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường H, phường B1, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam: 12/4/2018, được chuyển sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/8/2019; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

5. **Nguyễn Trần Thanh T**, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; HKTT: đường A, phường Ph1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 10/12; con ông: Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Th; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự không;

Nhân thân: Ngày 03/6/2011, Tòa án nhân dân quận T1 xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giết tài sản”, theo Bản án số 124/HSST.

Bị bắt tạm giam: 12/4/2018, được chuyển sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/8/2019; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

6. **Chống Thín S**; sinh năm 1987 tại Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; HKTT: ấp H1, xã Ng, huyện Đ2, Đồng Nai; Chỗ ở:

đường Tr, phường Ph2, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; con ông: Chồng Lý D và bà Phạm Thị T; có vợ và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam: 13/4/2018, được chuyển sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/8/2019; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

7. **Danh T1**; sinh năm 1992 tại tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không HKTT: đường N, Phường 7, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Danh H và bà Thạch Thị D; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 26/9/2008, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Giết người”, theo Bản án số 1108/2008/HSPT. Ngày 31/8/2011 chấp hành xong án phạt tù do được đặc xá, đã chấp hành xong hình phạt bổ sung.

+ Ngày 05/5/2015, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Sóc Trăng phạt 2.750.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2019. (có mặt)

- *Bị hại*: Ông **Chiêm Quốc Th1**, sinh năm 1974. (có mặt tại thời điểm khai mạc phiên tòa, tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa bị hại tự ý rời khỏi phòng xử án)

Địa chỉ: đường số 7, phường Th, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Nguyễn Hoài N, Nguyễn Kiều H, Ngô Ng Tr – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người làm chứng*:

1/. Bà **Trần Hoa S**, sinh năm 1967. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Cao ốc A, Ng, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Bà **Phạm Thị Như Kh**, sinh năm 1965. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường V, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ vào một ngày đầu tháng 3/2018, bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng đến nhà bà Trần Hoa S chơi (cao ốc A, chung cư Ng, Phường 7, Quận 10). Ng đến nhà bà S được khoảng 30 phút thì bị cáo Phan Nguyễn Duy Th (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Bảo vệ và Dịch vụ vệ sĩ S) đến nhà bà S, do trước đó bà S gọi điện thoại cho Th đến nhà bà S để trao đổi việc mua bán đất tại huyện

Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tại đây, Ng nhờ Th đánh dần mặt, gây thương tích nhẹ cho ông Chiêm Quốc Th1 với giá 01 tỷ đồng và Th đồng ý. Sau đó, Th đi về trước.

Khoảng một tuần sau, Ng lấy 500.000.000 đồng (loại mệnh giá 500.000 đồng) bỏ vào giỏ xách của bà Phạm Thị Như Kh (là chị em họ của Ng) đến gặp bà S. Tại phòng vệ sinh nữ của phòng khám H, Ng lấy 500.000.000 đồng trong giỏ xách của bà Kh đưa cho bà S nhờ chuyển cho Th. Khoảng 14 giờ cùng ngày, bà S điện thoại gọi Th đến nhà tại chung cư Ng, Quận 10 và đưa cho Th túi xách nói là của Ng đưa. Sau khi ra về Th kiểm tra bên trong túi xách có 500.000.000 đồng.

Đến khoảng 09 giờ ngày 25/3/2018, Th nói Chồng Thín S gọi điện thoại gọi Nguyễn Thanh Ph, Phạm Văn N, Nguyễn Trần Thanh T, Danh T1 và T2 chùa (chưa rõ lai lịch) đến phòng họp công ty để bàn bạc phân công. Th nói cho Ph, Ng, T, T1 và T2 biết có một người anh quen biết ngoài xã hội với Th có thuê chém vào tay hay chân ông Chiêm Quốc Th1 để cảnh cáo thì Ph, Ng, T, T1 và T2 đồng ý thực hiện.

Th phân công Ph theo dõi ông Chiêm Quốc Th1, khi phát hiện ông Th1 sẽ điện thoại cho Ng hoặc T biết. Sau đó, Th phân công T2 có nhiệm vụ chở Ng, T1 có nhiệm vụ chở T cùng đi chém ông Th1 khi nhận được tin báo của Ph.

Sau khi được Th phân công về việc chém dần mặt ông Chiêm Quốc Th1, đến khoảng hơn 22 giờ 30 cùng ngày, khi thấy xe ô tô của ông Th1 di chuyển, T1 liền chở T và T2 chở Ng bám theo. Khi xe ô tô Mercedes dừng lại tại ngã tư đường N và H, thấy ông Th1 và bà O từ nhà hàng đi ra về hướng xe ô tô, Ph liền dùng tay chỉ vào ông Th1 nói “nó kia” cho Ng, T, T1, T2 biết. T1 điều khiển xe chở T ngồi sau cầm dao bằng tay phải chạy đến chém 01 nhát trúng vào vai trái ông Th1. T2 điều khiển xe chở Ng ngồi sau cầm dao bằng tay trái chạy đến chém tiếp 01 nhát trúng vào lưng phải ông Th1 làm rơi con dao xuống đường (không thu hồi được). Sau đó, T1 chở T, T2 chở Ng rời khỏi hiện trường.

Ngày 30/3/2018, ông Chiêm Quốc Th1 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với những người gây thương tích cho ông.

Tại bản Kết luận giám định số 284/TgT.18 ngày 19/4/2018, Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định pháp y về thương tích của ông Chiêm Quốc Th1 như sau:

“- 02 vết thương phần mềm vùng lưng phải và vai trái gây đứt da, đã được điều trị khâu cầm máu vết thương ở vai trái, hiện còn 2 sẹo: 01 sẹo vùng lưng phải, kích thước 11x(0,1-0,3cm); 01 sẹo vùng vai trái kích thước 6,4x0,1cm, có hình ảnh rách một phần nhỏ gân cơ dưới gai.

- Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, không ảnh hưởng thẩm mỹ, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 05%”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2019/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a, h khoản 1, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2018.

Căn cứ điểm a, đ, h khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Duy Th: 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Ph 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Thanh T 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018.

Xử phạt bị cáo Chổng Thín S 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2018.

Xử phạt bị cáo Danh T1 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/2/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 02/7/2019, ông Chiêm Quốc Th1 có đơn kháng cáo yêu cầu làm rõ vai trò của bà Trần Hoa S và Phạm Thị Như Kh; đề nghị xem xét xử lý Phạm Văn N và Nguyễn Trần Thanh T về tội “Giết người”.

Ngày 05/7/2019, bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 35/QĐ-VKS-P2 kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Phan Nguyễn Duy Th.

Ngày 10/7/2019, bị cáo Nguyễn Thanh Ph có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 30/7/2019, bị cáo Nguyễn Thanh Ph có đơn xin rút lại yêu cầu kháng cáo.

Ngày 11/7/2019, bị cáo Chổng Thín S, Nguyễn Trần Thanh T, Phan Nguyễn Duy Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 30/7/2019, bị cáo Chổng Thín S có đơn xin rút lại yêu cầu kháng cáo. Ngày 02/8/2019, bị cáo Nguyễn Trần Thanh T có đơn xin rút lại yêu cầu kháng cáo.

Ngày 25/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 31/QĐ-VC3-V1 kháng nghị hủy bản

án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Nguyễn Duy Th, bị hại ông Chiêm Quốc Th1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng rút lại yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận bà Trần Hoa S biết bị cáo Ng và Th bàn bạc, thỏa thuận về việc chém người bị hại. Lời khai ban đầu của bị cáo Ng, Th có Luật sư tham gia đều khai bà S có biết sự việc. Mặc dù bà S không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng đã có lời lẽ kích động và giúp Ng đưa tiền cho Th. Ngoài ra, T2 chùa là người trực tiếp tham gia nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra xử lý trách nhiệm hình sự đối với T2 chùa là thiếu sót, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Bản án sơ thẩm nhận định không đúng với quá trình điều tra, kết luận điều tra. Thực chất các bị cáo thỏa thuận Th chém bị hại và được trả công 01 tỷ đồng nhưng bản án sơ thẩm nhận định số tiền Ng thuê Th chỉ 500 triệu đồng là không đúng.

Về động cơ, mục đích phạm tội, giữa Th và bị hại không có mâu thuẫn, chỉ vì vụ lợi mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Ng phạm tội xuất phát từ sự bức tức. Các bị cáo thực hiện hành vi có phân công lịch trình, phân công mua dao, gọi bằng tên khác nhằm che giấu hành vi phạm tội. Bị cáo Ng đã bỏ mặc cho bị cáo Th chém Thái như thế nào, thể hiện Ng có tình chất côn đồ. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự “có tính chất côn đồ” đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Th là người tham gia với vai trò chính, phân công công việc, bị cáo có nhân thân xấu, mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác là sai với nguyên tắc xét xử, thể hiện xử lý tội phạm chưa nghiêm. Cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật.

Cấp sơ thẩm cũng chưa T1 hành thực nghiệm điều tra để làm rõ hành vi Ng và T chém bị hại như thế nào, cách cầm dao, cách thức di chuyển, tư thế của bị hại... là có thiếu sót.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại. Do đề nghị hủy án nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không đề cập kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư Nguyễn Hoàng Tr bào chữa cho bị cáo Ng trình bày:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Ng đã rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hành vi của bị cáo Ng xuất phát hành vi trái pháp luật của ông Th1, đây là sự bức xúc dồn nén trong quá trình chung sống. Ông Th1 đã nhiều lần có hành vi đe dọa, hành hung và làm giả tài liệu để chiếm đoạt tài sản của bị cáo Ng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” và “phạm tội có

tổ chức” đối với bị cáo Ng là chưa có căn cứ. Về số tiền được thuê, đây là vụ án “cố ý gây thương tích”, đại diện Viện kiểm sát cho rằng cần căn cứ vào số tiền để đánh giá hành vi là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Ng. Về xử lý vật chứng, bị cáo có 02 điện thoại di động bị tuyên tịch thu sung công quỹ, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo sử dụng 2 điện thoại vào việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Thi bào chữa cho bị cáo Phan Nguyễn Duy Th trình bày:

Luật sư không đồng ý với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc sử dụng lời khai của bị cáo Ng và Th để đánh giá có bỏ lọt người, lọt tội hay không. Thời điểm ngày 07/5/2018 lời khai của bị cáo Th không có sự tham gia của luật sư. Bị cáo Th và Ng không có giao kèo rõ ràng nên việc khẳng định bị cáo Th được Ng thuê đánh bị hại với tiền công 1 tỷ đồng là chưa đủ cơ sở. Lý do vì sao Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” đã được nêu rất rõ trong bản án. Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người không có tiền án, tiền sự nên có căn cứ áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Th.

Bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Trần Thanh T, Nguyễn Thanh Ph, Danh T1 không có ý kiến tranh luận.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày các tình tiết và lập luận để đề nghị hủy bản án sơ thẩm, tựu chung lại có các nội dung chính như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến 2018 ông Th1 không gặp bà Ng nên không có việc ông Th1 đánh, đe dọa bà Ng. Lời khai ban đầu của bị cáo Ng và Th thể hiện việc Ng, Th gặp nhau do sự sắp đặt của bà S, không phải là tình cờ. Nếu không có bà S thì sự việc không xảy ra. Việc giao kèo và thực hiện đều thông qua bà S. Số tiền giao kèo là 1 tỷ đồng nhưng qua phòng khám bà S, Ng chỉ đưa có 500 triệu nên nếu thỏa thuận thành công thì chỉ có thể thông qua bà S. Khi T1 hành điều tra bổ sung, bị cáo Th và Ng thay đổi lời khai là không có cơ sở chấp nhận. Trong vụ án chưa xác định được là 2 con dao gây án bị mất tại hiện trường. Vậy con dao nào là con dao gây án. Quá trình sơ thẩm chưa thực hiện thực nghiệm hiện trường làm rõ để xác định tính chất mức độ hành vi của các bị cáo. Đối với đối tượng tên T2 chùa cũng cần phải được làm rõ và xử lý trách nhiệm hình sự để không bỏ lọt tội phạm. Các bị cáo thuê, được thuê để gây thương tích cho bị hại, có sự phân công công việc và thực hiện nơi đông người thể hiện sự xem thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội “có tính chất côn đồ” là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh Ph, Chồng Thín S, Nguyễn Trần Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 30/7/2018, Nguyễn Thanh Ph và Chồng Thín S có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo; ngày 02/8/2018, Nguyễn Trần Thanh T có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Các bị cáo rút lại đơn kháng cáo trước thời điểm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại ông Chiêm Quốc Th1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th1 đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập bà Trần Hoa S đến phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Hoa S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Lời khai của những người làm chứng bà Trần Hoa S, Phạm Thị Như Kh trong hồ sơ vụ án đã rõ, đã được đối chất với bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng và Phan Nguyễn Duy Th. Sự vắng mặt của người làm chứng bà Trần Hoa S cũng như bà Phạm Thị Như Kh không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Đối với ông Chiêm Quốc Th1, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Th1 đến phiên tòa phúc thẩm. Ông Th1 có mặt khi Hội đồng xét xử khai mạc phiên tòa và tự ý rời khỏi phòng xử án tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Lời khai của ông Chiêm Quốc Th1 trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm cũng đã rõ. Sự vắng mặt của ông Th1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt đối với bị hại ông Chiêm Quốc Th1 và người làm chứng bà Trần Hoa S, bà Phạm Thị Như Kh.

[3] Về hình thức kháng cáo, kháng nghị: Quyết định kháng nghị số 35/QĐ-VKS-P2 ngày 08/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định kháng nghị số 31/QĐ-VC3-V1 ngày 25/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng, Phan Nguyễn Duy Th, người bị hại Chiêm Quốc Th1 làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng xin rút lại yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng.

Đối với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng theo hướng tuyên trả cho bị cáo Ng 02 chiếc điện thoại di động. Điều 343 Bộ luật tố tụng hình sự quy định “...*những phần bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị*”. Hội đồng xét xử xét thấy, tại đơn kháng cáo ngày 05/7/2019, bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa

phúc thẩm hôm nay, bị cáo rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đồng thời cũng không yêu cầu được tuyên trả lại 02 chiếc điện thoại. Như vậy, phần xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận lời đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, không xem xét nội dung này.

[5] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án, các kết luận giám định, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn trong việc ly hôn và phân chia tài sản, tháng 3/2018, Vũ Thụy Hồng Ng thuê Phan Nguyễn Duy Th đánh dần mặt bị hại ông Chiêm Quốc Th1. Th đồng ý và đã nhận của Ng 500 triệu đồng để thực hiện công việc trên. Ngày 25/3/2018, Th nói Chồng Thín S gọi cho Nguyễn Thanh Ph, Phạm Văn N, Nguyễn Trần Thanh T, Danh T1 và T2 chùa (không rõ lai lịch) đến phòng làm việc của Công ty Th để bàn bạc, phân công việc đánh ông Th1. Theo đó, Ph có nhiệm vụ theo dõi ông Th1, khi phát hiện ông Th1 sẽ điện thoại báo cho Ng hoặc T biết. T2 có nhiệm vụ chở Ng, T1 chở T đi chém ông Th1 nếu nhận được tin.

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 25/3/2018, khi được báo ông Th1 xuất hiện, T1 điều khiển xe máy chở T ngồi sau, cầm dao bằng tay phải chạy đến chém 01 nhát vào vai trái của ông Th1. T2 chở Ng ngồi sau cầm dao bằng tay trái chém 01 nhát vào lưng phải của ông Th1. Sau đó, T1 chở T, T2 chở Ng rời khỏi hiện trường.

Tại Bản kết luận giám định số 284/TgT.18 ngày 19/4/2018, Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, không ảnh hưởng thẩm mỹ, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự; Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 05%.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng, Phan Nguyễn Duy Th, Nguyễn Thanh Ph, Phạm Văn N, Nguyễn Trần Thanh T, Chồng Thín S, Danh T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Nguyễn Duy Th và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng, Phan Nguyễn Duy Th:

[6.1] Lời khai của Vũ Thụy Hồng Ng, Phan Nguyễn Duy Th trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thống nhất xác định do mâu thuẫn ly hôn nên Ng thuê Th đánh dần mặt ông Chiêm Quốc Th1; sau đó Th tổ chức các bị cáo khác theo dõi và dùng hung khí chém ông Th1, gây tỷ lệ thương tật 5%. Viện

trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị cho rằng cần truy cứu bị cáo Ng thêm tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” và “phạm tội có tổ chức”.

Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án, bị cáo Ng tham gia với vai trò là người khởi xướng. Tuy nhiên, bị cáo không phải là người trực tiếp tổ chức, bàn bạc và phân công các bị cáo khác thực hiện việc phạm tội. Bản thân bị cáo chỉ thuê Th đánh dần mặt; không chỉ đạo Th tổ chức các bị cáo khác thực hiện cụ thể như thế nào. Việc bị cáo Th tổ chức dùng hung khí nguy hiểm để chém ông Th1 nằm ngoài dự đoán của bị cáo. Do đó, không có căn cứ truy cứu bị cáo với tình tiết “phạm tội có tổ chức” và “có tính chất côn đồ” như kháng nghị đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ng với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm”, “thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe do được thuê” theo điểm a, h khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về trích dẫn căn cứ pháp lý, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc viện dẫn khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Ng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy đây chỉ là sai sót trong quá trình đánh máy, không gây ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng quy định pháp luật.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá vai trò của Vũ Thụy Hồng Ng trong vụ án và xem xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha mẹ già yếu phải chăm sóc, từ đó xử phạt bị cáo mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; mức hình phạt này đủ để giáo dục bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[6.2] Đối với bị cáo Phan Nguyễn Duy Th:

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, hậu quả gây ra thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt về các tội “Cướp tài sản công dân”, “Cướp giật tài sản”, “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 là không đúng.

Ngoài ra, trong vụ án bị cáo là người trực tiếp thỏa thuận với Ng, sau đó cầm đầu, tổ chức cho các bị cáo khác dùng hung khí nguy hiểm tấn công người bị hại. Bị cáo là người có vai trò cao hơn các bị cáo khác trong vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn các bị cáo có vai trò thực hành là chưa đánh giá đúng tính chất hành vi của từng bị cáo, chưa đảm bảo sự phân hóa vai trò phạm tội của các đồng phạm trong vụ án.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Nguyễn Duy Th như đã nhận định ở trên.

[7] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, kháng cáo của người bị hại ông Chiêm Quốc Th1 đề nghị hủy bản án sơ thẩm:

[7.1] Đối với kháng nghị yêu cầu áp dụng tình tiết “có tính chất côn đồ” đối với các bị cáo Phan Nguyễn Duy Th, Nguyễn Thanh Ph, Phạm Văn N, Nguyễn Trần Thanh T, Chổng Thín S, Danh T1: Xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do được thuê mướn nên đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; không phải vô cớ dùng hung khí tấn công người bị hại nên không có căn cứ áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ như kháng nghị đã nêu.

[7.2] Đối với kháng nghị về việc không áp dụng tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” đối với Phan Nguyễn Duy Th, Nguyễn Trần Thanh T và Danh T1: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Th, T, T1 đều là những người có nhân thân xấu, đã bị xử phạt về các tội danh khác nhau. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 là chưa chính xác. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

Mặc dù không áp dụng tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo T và T1 nhưng Hội đồng xét xử đánh giá tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo và xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác như đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, riêng bị cáo T đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, thấy rằng mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên với bị cáo T và T1 là phù hợp. Do đó, cần giữ nguyên mức hình phạt đối với Nguyễn Trần Thanh T và Danh T1.

[7.3] Đối với yêu cầu làm rõ trách nhiệm của cá nhân Trần Hoa S:

Lời khai ban đầu của Vũ Thụy Hồng Ng, Phan Nguyễn Duy Th khi mới khởi tố vụ án đã xác định: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 25/5/2018 (BL 169) bị cáo Ng khai bàn bạc với bị cáo Th việc đánh dần mặt ông Th1 tại phòng ngủ nhà bà S; khi bàn bạc xong thì bà S đi vào hỏi có chuyện gì nhưng bị cáo Ng và bị cáo Th không nói cho bà S biết Ng thuê Th đánh ông Th1; khi bị cáo Ng đưa tiền cho bà S để nhờ chuyển cho Th thì không nói đó là tiền gì. Lời khai này phù hợp với lời khai ban đầu của Phan Nguyễn Duy Th tại biên bản ghi lời khai lúc 15 giờ 30 phút ngày 07/5/2018 (BL 190-191), biên bản hỏi cung ngày 17/5/2018 (BL 208) và bản tường trình ngày 10/5/2018, (BL 228) bị cáo Th khai Th bàn bạc với Ng trong phòng ngủ nhà bà S, lúc bà S vào thì Th và Ng đã nói chuyện xong, bà S hỏi nói chuyện gì thì Ng trả lời nói chuyện về ông Th1 nhưng không nói rõ là chuyện gì, Th chỉ cười rồi ra về.

Sau đó, tại biên bản ghi lời khai ngày 27/5/2018 và 30/5/2018 bị cáo Ng

thay đổi lời khai rằng bà S biết việc Ng thuê Th đánh dần mặt ông Th1. Tại biên bản ghi lời khai lúc 00 giờ ngày 7/5/2018, bị cáo Th cũng khai có nói cho bà S biết (BL 2020). Do lời khai của các bị cáo có sự mâu thuẫn như trên nên ngày 23/11/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 270/2018/HSST-QĐ trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ vai trò của Trần Hoa S.

Tại biên bản hỏi cung ngày 17/12/2018, bị cáo Ng phủ nhận có nói với bà S việc đánh ông Th1 và giá cả (BL 911); tại biên bản hỏi cung ngày 11/01/2019, biên bản hỏi cung ngày 21/3/2019 (BL 1039) bị cáo Ng cũng phủ nhận việc có bàn bạc với bà S. Biên bản hỏi cung ngày 20/12/2018 (BL 993), bị cáo Th khai không biết Ng có kể với bà S hay không nhưng Th không kể; biên bản hỏi cung ngày 21/12/2018 bị cáo Th khai bà S có nói câu *“nó hỗn lẫn nữa tao đánh nó”* nhưng sau đó các bên không bàn bạc gì; biên bản hỏi cung ngày 14/01/2019 (BL 953), biên bản hỏi cung ngày 11/3/2019 (BL1037) bị cáo Th cũng phủ nhận việc bà S có tham gia bàn bạc việc đánh ông Th1.

Tại biên bản đối chất ngày 26/12/2018 giữa bà S và bị cáo Th (BL919-920), cả hai đều xác định bị cáo Th, Ng không nói cho bà S biết việc đánh dần mặt ông Th1. Biên bản đối chất ngày 26/12/2018 giữa bà S và bị cáo Ng (BL921-922), cả hai cũng thống nhất xác định bị cáo Ng và Th không kể cho bà S nghe nội dung đã bàn bạc.

Các lời khai này phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, đều xác định không có sự bàn bạc, thống nhất với bà S.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy chưa đủ căn cứ vững chắc để kết luận bà Trần Hoa S biết nội dung trao đổi giữa Ng và Th về việc chém ông Th1 và mục đích Ng gửi tiền cho Th là để trả tiền công.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị hại ông Chiêm Quốc Th1 có gửi đơn đề nghị và bổ sung chứng cứ chứng minh bà Trần Hoa S có vai trò đồng phạm trong vụ án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tài liệu ông Th1 cung cấp chỉ là lời trình bày và các lập luận dựa trên cuộc nói chuyện với các đối tượng khác; không phải là chứng cứ trực tiếp chứng minh hành vi phạm tội của bà S. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã trả hồ sơ điều tra bổ sung vào ngày 23/11/2018 nhưng kết quả điều tra chưa đủ cơ sở chứng minh, từ đó cơ quan điều tra không khởi tố bị can để xử lý bà S với vai trò đồng phạm. Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ vai trò của bà S trong vụ án, nếu có căn cứ chứng minh bà S có vai trò đồng phạm thì cơ quan T1 hành tố tụng có thể giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và bị hại ông Chiêm Quốc Th1 kháng nghị, kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử đối với hành vi của bà Trần Hoa S không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.4] Đối với bà Phạm Thị Như Kh: Lời khai của bị cáo Ng từ giai đoạn

điều tra, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đều xác định Ng không nói với Kh số tiền 500 triệu Ng để nhờ trong túi xách của Kh, sau đó lấy ra đưa cho bà S mục đích để làm gì. Do đó, không có căn cứ xác định bà Kh đồng phạm với Ng. Kháng cáo của ông Chiêm Quốc Th1 yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Thị Như Kh là không có căn cứ.

[7.5] Đối với đối tượng T2 chùa: Phan Nguyễn Duy Th khai bị cáo không biết rõ họ tên và lai lịch của T2 chùa, người này do bị cáo quen biết ngoài xã hội rồi đưa vào làm bảo vệ tại Công ty; khi nhận việc không lập hồ sơ nhân sự và hợp đồng lao động (BL198). Lời khai của bị cáo Th phù hợp với các bị cáo khác như Ph, T1, T, Sáng đều không biết rõ nhân thân, lai lịch của T2 chùa. Cơ quan điều tra sẽ T1 hành khởi tố sau khi đã xác định được lai lịch, nơi cư trú của đối tượng T2 chùa là phù hợp với quy định pháp luật. Việc tách ra để xử lý đối tượng T2 chùa sau không ảnh hưởng đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác trong cùng vụ án.

[7.6] Đối với kháng nghị yêu cầu T1 hành thực nghiệm điều tra:

Tại bản Kết luận giám định số 284/TgT.18 ngày 19/4/2018, Trung tâm Pháp y - Sở y tế TP.Hồ Chí Minh kết luận ông Chiêm Quốc Th1 có “02 vết thương phần mềm vùng lưng phải và vai trái gây đứt da”. Kết luận này phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo như sau:

Lời khai của Danh T1 ngày 26/3/2019 (BL 1026) xác định T1 chở T ngồi sau cầm dao chém 01 nhát vào vai trái của ông Th1 rồi bỏ ga bỏ chạy. Lời khai của Phạm Văn N tại biên bản ghi lời khai ngày 11/4/2018 (BL 259) và bản tự khai ngày 12/4/2018 (BL 275-276) khai T1 chở T chạy đằng trước rồi T chém vào vai trái ông Th1, sau đó T2 chở Ng chạy tới chém vào vai phải ông Th1 rồi bỏ chạy. Lời khai của Nguyễn Trần Thanh T tại biên bản ghi lời khai ngày 10/4/2018 (BL 279), ngày 11/4/2018 (BL 281), ngày 12/4/2018 (BL 283), ngày 14/4/2018 (BL285) đều xác định chém 01 nhát vào vai trái của ông Th1.

Đồng thời, phù hợp với lời khai của ông Chiêm Quốc Th1 tại biên bản ghi lời khai ngày 29/3/2018 (BL324) xác định có 02 thanh niên cầm vật dài sắc đánh vào lưng và vai. Và tại biên bản ghi lời khai ngày 30/3/2018 (BL326) ông Th1 xác định ông có 02 vết thương, 01 ở lưng và 01 vai trái.

Lời khai của bà Lê Kim O người đi cùng ông Th1 và chứng kiến sự việc tại biên bản ghi lời khai ngày 10/4/2018 (BL 344) và bản tường trình 10/4/2018 (BL348) xác định có 02 thanh niên tấn công ông Th1, 01 chém vào lưng, 01 chém vào vai trái rồi bỏ chạy.

Như vậy, lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng đều phù hợp với kết luận giám định pháp y, đủ cơ sở kết luận bị cáo T và Ng là những người dùng hung khí tấn công ông Th1 và gây ra 02 vết thương trên. Việc xác định hung khí, thương tích, cách thức gây thương tích trong vụ án không có sự mâu thuẫn, đều được các bên thừa nhận như đã nêu trên. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu thực hiện nghiệm điều tra là không cần thiết; việc này không ảnh hưởng đến việc xác định

tội danh cũng như đánh giá tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7.7] Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu truy cứu hành vi của Nguyễn Trần Thanh T, Phạm Văn N về hành vi “Giết người”, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có ý thức tước đoạt mạng sống của người bị hại, chỉ bàn bạc chém để dần mặt người bị hại. Hành vi, cách thức tấn công bị hại của T và Ng đã được làm rõ như phân tích tại mục [7.6]. Kết luận giám định số 284/TgT.18 ngày 19/4/2018 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận tỷ lệ thương tật của bị hại tại thời điểm giám định là 5%, không ảnh hưởng thẩm mỹ, không nguy hiểm đến tính mạng. Do đó, kháng cáo của bị hại yêu cầu xử lý Nguyễn Trần Thanh T, Phạm Văn N về hành vi “Giết người” là không có cơ sở chấp nhận.

[7.8] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng cần làm rõ số tiền Th nhận của Ng để thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của các bị cáo, người làm chứng trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm đều xác định sau khi Th nhận của Ng số tiền 500 triệu đồng đã tổ chức cho các bị cáo khác gây thương tích cho người bị hại; ngoài ra Ng không đưa cho Th số tiền nào khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính trên là đúng quy định pháp luật. Đối với cấu thành của tội “Cố ý gây thương tích” thì việc xác định các bị cáo thỏa thuận với nhau giá thuê bao nhiêu không ảnh hưởng đến việc định tội danh cũng như định khung hình phạt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Nguyễn Duy Th, kháng cáo của người bị hại Chiêm Quốc Th1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy án sơ thẩm. Cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phan Nguyễn Duy Th, Nguyễn Trần Thanh T, Danh T1 và tăng hình phạt đối với bị cáo Phan Nguyễn Duy Th.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại đề nghị hủy án sơ thẩm không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nhận định tại mục [7].

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Nguyễn Duy Th không được Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nhận định tại mục [6.2].

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phan Nguyễn Duy Th phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng rút kháng cáo tại phiên tòa nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348, 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

I/. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng.

II/. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Nguyễn Duy Th.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Chiêm Quốc Th1 và Quyết định kháng nghị số 31/QĐ-VC3-V1 ngày 25/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 35/QĐ-VKS-P2 ngày 08/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, một phần Quyết định kháng nghị số 31/QĐ-VC3-V1 ngày 25/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2019/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo Phan Nguyễn Duy Th.

Tuyên bố bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng, Phan Nguyễn Duy Th, Nguyễn Thanh Ph, Phạm Văn N, Nguyễn Trần Thanh T, Chổng Thín S, Danh T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a, h khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Căn cứ điểm a, đ, h khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Duy Th 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06/5/2018 đến ngày 06/8/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Thanh T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Xử phạt bị cáo Danh T1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/2/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo cho đến ngày 23/6/2020.

Căn cứ điểm a, đ, h khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Ph 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 01 (một) năm 04 (nốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Xử phạt bị cáo Chổng Thín S 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

III/. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02/2019/HSPT-QĐ ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Phạm Văn N.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03/2019/HSPT-QĐ ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Chổng Thín S.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 04/2019/HSPT-QĐ ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Trần Thanh T.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05/2019/HSPT-QĐ ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Thanh Ph.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06/2019/HSPT-QĐ ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Vũ Thụy Hồng Ng.

IV/. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

V/. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Nguyễn Duy Th phải chịu 200.000 đồng.

VI/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (2);
- BCTN (6);
- BH (1);
- Lưu VP (3), HS (2).22b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng